TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 279/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 12 - 2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh C; Sinh năm: 1975 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh C.
- Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H; Sinh năm: 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Lê Hồng T (vắng mặt).
2/ Lê Nguyễn Đan A (vắng mặt).
Đồng cư trú : Số 1, đường B, phường A, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).
3/ Hồ Thị Thúy V (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Số A, đường T, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Minh C và bà Lê Thị Thanh H chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/12/1995. Theo ông C quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, tuy nhiên, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thanh H. Đối với bà H

xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông C.

- *Về con chung:* Ông C, bà H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/11/1996 và Nguyễn Hoàng Duy K, sinh ngày 12/11/2008, hiện Nguyễn Duy T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Khang hiện đang sống chung với chị Hiền, khi ly hôn cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoàng Duy K cho bà H nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

-*Về tài sản chung*: Ông C xác định có một phần đất tại ấp T, xã H, thành phố C được ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H. Trên đất có một căn nhà và 06 phòng trọ, 01 tiệm tạp hóa. Ngoài ra, ông bà còn có tiền tiết kiệm 280.000.000đ gửi tại Ngân hàng; 01 xe hiệu SH mode, 01 xe Airblack, 01 xe Nouvo. Trước đây ông C tranh chấp yêu cầu chia đôi nhưng sau đó thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà H thừa nhận có tài sản gồm phần đất tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, trên đất có một căn nhà và 06 phòng trọ, 01 tiệm tạp hóa và thừa nhận có 01 xe hiệu SH mode, 01 xe Airblack, 01 xe Nouvo. Nhưng không thừa nhận số tiền tiết kiệm 280.000.000đ gửi tại Ngân hàng là tài sản chung với lý do cho rằng chỉ giữ tiền dùm cho bà Hồ Thị Thúy V cháu ruột của bà và hiện bà đã trả lại số tiền trên cho bà Vy.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định tài sản tự thỏa thuận nên xin tách ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C xác định không có. Đối với bà H xác định quá trình sống chung vợ chồng có nợ bà Lê Hồng T số tiền 500.000.000đ để xây dựng nhà và làm vốn mua bán tạp hóa. Nợ cháu Lê Nguyễn Đan A số tiền 50.000.000đ. Hiện bà H xác định nợ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, chị Hồ Thị Thúy V có văn bản ý kiến trình bày:* Chị xác định nguồn tiền gửi Ngân hàng 280.000.000đ là tiền chị nhờ bà H gửi Ngân hàng dùm, hiện bà đã nhận lại tiền nên không có yêu cầu gì trong vụ án nên chị xin không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C và bà Lê Thị Thanh H được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Hồng T, chị Lê Nguyễn Đan A, chị Hồ Thị Thúy V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh C và bà Lê Thị Thanh H chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa

Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/12/1995 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống ông C, bà H đều xác định có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại ông, bà cũng đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không còn tình cảm nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông C, bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Minh C và bà Lê Thị Thanh H

[3] Về con chung: Ông C, bà H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/11/1996 và Nguyễn Hoàng Duy K, sinh ngày 12/11/2008, hiện Nguyễn Duy T đã trưởng thành nên không giải quyết. Đối với cháu Khang hiện đang sống chung với bà H, khi ly hôn ông C, bà H thỏa thuận giao cho bà H nuôi và ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng cháu Nguyễn Hoàng Duy K nên chấp nhận giao cho bà H nuôi dưỡng cháu Khang ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Khang tròn 18 tuổi ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án Ông C, bà H có tranh chấp rất nhiều tài sản. Tuy nhiên ông C, bà H xin tách ra không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết. Xét tháy thỏa thuận này của ông C, bà H là phù hợp đúng qui định pháp luật nên chấp nhận nếu sau này các đương sự có tranh chấp được quyền kiện thành vụ án khác.

[5] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án ông C xác định không có bà H xác định có nợ bà Lê Hồng T số tiền 500.000.000đ nợ chị Lê Nguyễn Đan A số nợ 50.000.000đ nhưng bà H xác định tự thỏa thuận. Đối với bà Lê Hồng T, chị Lê Nguyễn Đan A đã được Tòa án thông báo nộp đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng không nộp đơn yêu cầu độc lập và vắng mặt tại phiên Tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tách ra, sau này đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông C phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 217, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh C, bà Lê Thị Thanh H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hoàng Duy K, sinh ngày 12/11/2008 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà H có yêu cầu thi hành án, ông C chưa thi hành xong khoản cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về tài sản chung: Tách ra ông C bà H tự thỏa thuận, trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Tách ra các đương sự tự thỏa thuận, trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông C phải chịu. Ông C đã đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003463 vào ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, ông C phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trịnh Xuân Trúc